

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2020/HNGĐ-ST

Ngày 18-12-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Khắc Chung;

Ông Nguyễn Văn Hiền;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 455/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm: 1988; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm: 1985; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 24/8/2020, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Do quen biết chị và anh Lê Văn T tiến tới hôn nhân vào năm 2007, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 04/2020 thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường hay cự cãi nhau, anh Lê Văn T thường xuyên chơi cờ bạc, không lo làm ăn và chăm sóc vợ con. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 04/2020 đến nay.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Triệu V, sinh ngày 05/10/2016, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, bị đơn anh Lê Văn T cư trú: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, tranh chấp ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Lê Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Trần Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Trần Thị H theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tòa án đã triệu tập, niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn anh Lê Văn T nhưng anh Lê Văn T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Văn T.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Trần Thị H và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Cai Lậy,

tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/10/2014 tại Quyển số 01/2014, đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Trần Thị H yêu cầu Tòa án cho ly hôn vì cho rằng trong quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường hay cự cãi nhau, anh Lê Văn T thường xuyên chơi cờ bạc, không lo làm ăn và chăm sóc vợ con. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 04/2020 đến nay. Khi chị Trần Thị H có đơn xin ly hôn, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho anh Lê Văn T nhưng anh Lê Văn T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H, tại phiên tòa anh Lê Văn T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Điều đó đã cho thấy anh Lê Văn T đã không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh và chị Trần Thị H. Xét thấy, tình cảm và đời sống chung của vợ chồng của chị Trần Thị H và anh Lê Văn T đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Lê Văn T là phù hợp.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống chị Trần Thị H và anh Lê Văn T có 01 con chung tên Lê Triệu V, sinh ngày sinh ngày 05/10/2016, hiện đang sống với chị Trần Thị H. Khi ly hôn con chung chị Trần Thị H yêu cầu được nuôi, không yêu cầu anh Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện tại cháu Lê Triệu V đang sống cùng chị Trần Thị H, cuộc sống ổn định, sức khỏe tốt, hiện tại chị Trần Thị H có công việc thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc tốt con chung. Mặt khác, cháu Lê Triệu V còn quá nhỏ, cần có sự chăm sóc của chị Trần Thị H. Đối với anh Lê Văn T từ khi vụ án thụ lý giải quyết cho đến khi xét xử cũng không có nguyện vọng được nuôi con chung. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất, học hành, sự phát triển về tinh thần, cũng như các quyền lợi khác của con chung nên tiếp tục giao cháu Lê Triệu V cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị H không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Triệu V, sinh ngày 05/10/2016 cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Trần Thị H không yêu cầu.

Anh Lê Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005905 ngày 07/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Kim Thúy

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Kim Thúy